

Khu BTTN Tiên Hải

Tên khác

Cồn Vành

Tỉnh

Thái Bình

Tình trạng

Quyết định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

20°15' - 20°22' vĩ độ Bắc

Kinh độ

106°34' - 106°38' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

06a - Nhiệt đới nam Trung Hoa



Tình trạng bảo tồn

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiên Hải được công nhận trong Quyết định Số 4895/KGVX, ký ngày 05/09/1994 của Văn phòng Chính phủ (Anon. 1995b). Tháng 8/1995, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng đã xây dựng dự án đầu tư cho khu bảo tồn này, với diện tích đề xuất là 12.500 ha (Anon. 1995a). Dự án đầu tư đã được Bộ Lâm nghiệp phê duyệt vào tháng 10/1995 (Anon. 1995b). Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiên Hải có tên trong danh lục đề xuất hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam năm 2010 (Cục Kiểm lâm 1998).

Khu bảo tồn nằm về phía bắc cửa biển sông Hồng (cửa Ba Lạt), còn phía nam cửa sông là Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Thủy. Hai khu bảo tồn này có thể duy trì một đơn vị sinh thái liên tục (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996). Ngày 20/9/1988, Xuân Thủy được quy hoạch thành một khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam (Ramsar 2000). Ngày 24/1/1995, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã có Công văn Số 14/Tmg, mở rộng khu vực Ramsar bao gồm cả 2 đảo Vành và đảo Thu, thuộc huyện Tiên Hải (Anon. 1995a). Tuy nhiên, hai khu vực này hiện nay được quản lý tách biệt nhau, trong đó Tiên Hải do Sở Nông

ng nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Bình quản lý (Viện Điều tra Quy hoạch Rừng 1998).

Địa hình và thủy văn

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiên Hải nằm ở cửa biển sông Hồng, về phía nam huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Ranh giới phía nam khu bảo tồn là sông Hồng (còn có tên là sông Ba Lạt), phía bắc là sông Lân và phía tây là con đê chắn biển chính. Trong khu bảo tồn có 2 cồn cát lớn là: Cồn Vành có diện tích 2.000 ha và Cồn Thủ có diện tích 50 ha. Cồn Thủ cách đất liền khoảng 40 km và xen giữa khu vực là các bãi cát ngập triều. Cồn Vành nằm tách biệt với đất liền qua một eo biển có mực nước sâu, trên bờ là rừng ngập mặn hầu hết đã có bờ bao thành các đầm nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, còn có một diện tích rộng lớn các đầm nuôi trồng thủy sản ở phía bắc bờ sông Hồng (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Đa dạng sinh học

Trong khu bảo tồn có 12 kiểu sinh cảnh chính, trong đó quan trọng nhất là sinh cảnh bãi cát ngập triều, trảng sậy và rừng ngập mặn. Ngoài ra, các bãi bồi ngập triều cũng là một sinh cảnh quan trọng, là nơi kiếm ăn của các loài chim ven bờ.

Rừng ngập mặn trong khu bảo tồn có thực vật ưu thế thuộc loài *Trang Kandelia candel*, và hầu hết nằm trong các đầm nuôi trồng thủy sản. Phi lao *Casuarina equisetifolia* được trồng trên các cồn cát với mục tiêu chắn cát, chắn gió (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Qua một đợt khảo sát vùng bờ biển ở lưu vực sông Hồng năm 1996, Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) đã ghi nhận được loài là loài Cò thìa *Platalea minor* chim bị đe dọa tuyệt chủng mức toàn cầu trong khu bảo tồn. Tuy nhiên, các tác giả trên đã đánh giá tầm quan trọng đối với bảo tồn của Tiên Hải có ý nghĩa kém hơn so với Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Thủy.

Các vấn đề về bảo tồn

Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) cho rằng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác bảo tồn còn thấp kém, thiếu cán bộ, kế hoạch quản lý chưa phù hợp là những hạn chế trong công tác quản lý bảo vệ Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiên Hải. Đặc biệt, các tác giả đã khuyến nghị rằng cần tiến hành quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn nhằm làm giảm áp lực của người dân tới khu vực, đồng thời cần phải xác định rõ hơn ranh giới phía đông khu bảo tồn. Ngoài ra, các tác giả còn khuyến nghị rằng không nên tiến hành trồng rừng ngập mặn hoặc trồng Phi lao trong khu bảo tồn, bởi vì các mục tiêu quản lý, phòng hộ bờ biển và cải tạo đất có thể mâu thuẫn với công tác bảo tồn đất ngập nước ven biển.

Trong Khu bảo tồn thiên nhiên có rất nhiều người dân lượm, bắt các loài thân mềm hai mảnh vỏ và của biển, điều này cho thấy đây là một khu vực quan trọng đối với kinh tế của người dân trong khu vực. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa biết chính xác các mức độ khai thác hải sản có bền vững hay không (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996). Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) đã quan sát thấy các hoạt động săn bắt chim nước trong khu vực, nhưng vẫn chưa có thông tin rõ ràng về mức độ áp lực của săn bắn.

Các giá trị khác

Trong khu bảo tồn đề xuất, các cộng đồng dân địa phương đang tiến hành một số hoạt động kinh tế như: nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, đánh cá và lượm, bắt các loài thân mềm. Trong khoảng thời gian từ ngày 21 đến 25 tháng 4 năm 1996, đã có tới 920 người dân vào thu bắt hải sản trên các bãi triều có diện tích 900 ha ở phía Bắc khu bảo tồn. Các loài hải sản được thu lượm chủ yếu là: *Lingula* sp., *Glaucanome chinensis*, *Meretrix* sp., *Macra quadrangularis* và *Cyclina sinensis*. Bình quân sản lượng hải sản mỗi ngày khoảng 1,9 tấn, giá trị tương đương khoảng 529 đô la (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Các dự án có liên quan

Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (MERD) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) dưới sự tài trợ của Hội Chữ thập đỏ Đan Mạch đang thực hiện dự án trồng rừng ngập mặn ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiên Hải.

MERD và CRES đang xây dựng một dự án cỡ vừa thuộc Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) do UNDP tài trợ. Dự án này có tên *Bảo tồn đất ngập nước ven biển ở lưu vực sông Hồng, Việt Nam*, dự kiến tiến hành ở 5 điểm thuộc 3 tỉnh: Ninh Bình, Nam Định và Thái Bình. Mục tiêu của dự án nhằm bảo tồn lâu dài và sử dụng bền vững đa dạng sinh học vùng bờ biển lưu vực sông Hồng.

Tài liệu tham khảo

ADB (1999) Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Anon. (1995a) [Investment plan for Tien Hai Nature Reserve, Thai Binh province]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1995b) Management plan for Tien Hai Nature Reserve, situated in Tien Hai district, Thai

Binh province. Unofficial translation by BirdLife International.

FIPI/Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (1998) [Database for establishment of a wetland protected areas network in Vietnam]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Pedersen, A. and Nguyen Huy Thang (1996) [The conservation of key coastal wetland sites in the Red River Delta](#). Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Ramsar (2000) The list of wetlands of international importance as of 17 November 2000. Website of the Bureau of the Convention on Wetlands.